TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2025/KDTM-ST
Ngày 16/4/2025
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**
2. Ông **Lữ Quốc Toàn**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Đỗ Văn Thiêm**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Vào ngày 16/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-KDTM ngày 22/10/2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST-DS ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số A A, tổ B, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B, Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Trọng Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số A, đường L, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2024)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình C, chức vụ: Giám đốc

(*Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2024, trong quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Triệu Trọng Đ trình bày: Ngày 30/01/2022, Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt bên A) và Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là bên B) có Hợp đồng mua bán hàng hóa số LHP-CHP/08-2022HĐKT, theo nội dung hợp đồng trên bên A cung cấp nguy liệu than đá cho bên B, số lượng theo yêu cầu của bên B và đơn giá do hai bên thỏa thuận theo từng đợt giao hàng. Hình thức thanh toán bên A xuất hàng bên B từ đầu tháng đến cuối tháng chốt sổ, bên B thanh toán 100% cho bên A vào ngày 05 hàng tháng của tháng tiếp theo. Sau 10 ngày đến hẹn mà bên B không thanh toán cho bên A thì bên B phải chịu tiền lãi nợ quá hạn phát trên số tiền gốc quá

hạn tương ứng với thời gian quá hạn. Lãi suất quá hạn hai bên áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng bên A thời điểm hai bên ký kết hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên A đã luôn tuân thủ hợp đồng hai bên đã ký kết, giao hàng đầy đủ về số lượng và chủng loại hàng hóa cho bên B. Theo Điều 2 của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết ở trên hai bên đã đối chiếu, chốt sổ và hoàn tất tất cả các chứng từ kèm theo để bên B thanh toán nhưng bên B thường xuyên thanh toán chậm trễ cho bên A

Đến tháng 03/2023 thì bên B không thanh toán tiền nợ cũ và tiền công nợ mua hàng tháng 02/2023 nên bên A tạm ngưng giao hàng cho bên B, đồng thời yêu cầu bên B thanh toán toàn bộ công nợ còn thiếu nhưng bên B không thực hiện.

Theo biên bản xác nhận khối lượng và giá trị thực hiện ngày 30/4/2023 thể hiện tổng nợ cuối kỳ của Công ty TNHH T là 1.100.000.000 đồng (*một tỷ một trăm triệu đồng*). Công ty TNHH T đã thanh toán được 200.000.000 đồng vào các ngày 09/9/2023 và 07/02/2024 thông qua hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của Giám đốc Công ty T.

Nay công ty TNHH T đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH T phải thanh toán số nợ gốc là 900.000.000 đ (*chín trăm triệu đồng*) và số nợ lãi tính từ ngày 07/02/2024 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ việc với mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn là Công ty TNHH T yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH S số tiền hàng hóa còn nợ. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Công ty TNHH T có trụ sở tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/4/2023, Công ty TNHH T ký xác nhận công nợ là 1.100.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, như vậy thời điểm nộp đơn khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại ăm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là Công ty TNHH T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà (Công ty nhận trực tiếp) nhưng tại phiên toà hôm nay vẫn vắng mặt và đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có Đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Nội dung yêu cầu:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Công ty TNHH T yêu cầu Công ty TNHH T trả nợ tiền hàng còn thiếu là 900.000.000 đồng. Công ty T cung cấp hợp đồng mua bán, biên bản xác nhận khối lượng và giá trị thực hiện ngày 30/4/2023 thể hiện tổng nợ cuối kỳ của Công ty T là 1.100.000.000 đồng. Xét thấy, Công ty TNHH T đã ký xác nhận công nợ vào ngày 30/4/2023, đã thanh toán được 200.000.000 đồng vào các ngày 09/9/2023 và 07/02/2024. Số tiền còn nợ lại nêu trên đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Về lãi suất: Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh tính từ ngày 07/02/2024 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ việc với mức lãi suất 10%/năm. Do tiền nợ gốc tính đến ngày 07/02/2024; các bên không thỏa thuận thời hạn và mức lãi suất Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán; Điều 2 Hợp đồng mua bán hàng hóa số LHP-CHP/08-2022HĐKT ngày 30/01/2022 được ký giữa các bên có thỏa thuận là: "Bên A xuất hàng cho bên B từ đầu tháng cho đến cuối thnags chốt sổ. Bên B có nghĩa vụ thanh toán 100% cho bên A vào ngày 05 hàng tháng của tháng tiếp theo"; hàng hóa Công ty TNHH T đã giao từ tháng 02/2022 nhưng đến ngày 30/4/2023 Công ty TNHH T chưa thanh toán hết và các bên chỉ chốt lại nợ gốc. Sau đó, Công ty T có thanh toán nợ hai lần vào các ngày 09/9/2023 và 07/02/2024. Do vậy, nghĩa vụ thanh toán tính từ 07/02/2024 nên TNHH T yêu cầu Công ty S tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 07/02/2024 là có căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Điều 357, khoản 2 Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2025 là 01 năm 02 tháng 09 ngày trên số tiền chậm trả. Tiền lãi được tính: 900.000.000 đồng x 01 năm 02 tháng 09 ngày x 10%/năm = 107.013.699 đồng

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH T được chấp nhận, nên Công ty TNHH T phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 42.210.411 đồng (*bốn mươi hai triệu hai trăm mười triệu bốn trăm mười một đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 357, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với Công ty TNHH T về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền nợ mua than đá là 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*) theo số LHP-CHP/08-2022HĐKT ngày 30/01/2022 và nợ lãi phát sinh tính từ ngày 07/02/2024 đến ngày 16/4/2024 là 107.013.699 đồng (*một trăm lẻ bảy triệu không trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng*). Tổng số tiền phải thanh toán là 1.007.013.699 đồng (*một tỷ không trăm lẻ bảy triệu không trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc công ty TNHH T phải nộp tiền án phí 42.210.411 đồng (*bốn mươi hai triệu hai trăm mười triệu bốn trăm mười một đồng*).

Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.768.000 đồng (*hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011534 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THA huyện Xuân Lộc;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa